

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Việt Xây**.

2. Bà **Bùi Minh Diệu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hùng**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị B**, sinh năm 1988; (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1987; (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc Nguyên đơn chị Bùi Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K tự do, tự nguyện tìm hiểu đi đến kết hôn được UBND

xã Ú, huyện N tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/11/2010. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng chị đã về nhà mẹ đẻ ở thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống từ tháng 05/2023 đến nay. Chị và anh K sống ly thân kể từ thời điểm chị bỏ về nhà mẹ đẻ đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn anh K.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Trung K1, sinh ngày 21/8/2011 và Nguyễn Thị Hải N, sinh ngày 26/9/2015. Hiện cả hai con chung đang do anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, do chị đi làm xa nên đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi (thành niên).

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, Bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, ly thân như chị B trình bày. Anh cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn do trong thời gian chị B vào miền N làm ăn, nghe theo chị, em gia đình xúi bẩy nên đã thay lòng đổi dạ, ruồng rẫy 03 bố con anh. Cuối năm 2023, chị B về nói chuyện với anh về việc anh và các con vào trong miền N cùng chị B nhưng anh còn bố mẹ và các con đang học tập ổn định nên anh không đồng ý vào miền N cùng cô B và khuyên nhủ cô B thay đổi nhưng đều không được. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị B trình bày. Con chung là Nguyễn Trung K1, sinh ngày 21/8/2011 và Nguyễn Thị Hải N, sinh ngày 26/9/2015 đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Các con chung đều có nguyện vọng ở với anh nên anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao cho anh nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi (thành niên). Anh tự nguyện không yêu cầu chị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Tại phiên Tòa: Chị Bùi Thị B, anh Nguyễn Văn K vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh K. Đề nghị Tòa án giao cả hai con chung là Nguyễn Trung K1, sinh ngày 21/8/2011 và Nguyễn Thị Hải N, sinh ngày 26/9/2015 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi (thành niên). Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh K nhất trí ly hôn. Đề nghị Tòa án tiếp tục

giao cả hai con chung là Nguyễn Trung K1, sinh ngày 21/8/2011 và Nguyễn Thị Hải N, sinh ngày 26/9/2015 cho anh tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi (thành niên). Anh tự nguyện không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị B đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Bùi Thị B ly hôn anh Nguyễn Văn K; Xử giao cho chị Nguyễn Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Trung K1, sinh ngày 21/8/2011 và Nguyễn Thị Hải N, sinh ngày 26/9/2015; Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn K về việc không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng cho con; Chị Bùi Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Ú, huyện N nơi sinh sống của anh K tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị B và anh K là hợp pháp.

Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị B bỏ về thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống, hai người ly thân, không gặp gỡ, quan tâm gì đến nhau. Nay chị B khởi kiện xin ly hôn, anh K cũng xác định tình cảm không còn nên nhất trí ly hôn. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị B ly hôn anh K.

- *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Trung K1, sinh ngày 21/8/2011 và Nguyễn Thị Hải N, sinh ngày 26/9/2015. Hiện các con chung đang ở cùng anh K. Sau khi ly hôn anh K có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng cho con, chị B nhất trí. HĐXX xét thấy, con chung Nguyễn Trung K1, Nguyễn Thị Hải N được anh K nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập ổn định từ nhỏ và được bố mẹ anh K hỗ trợ trong việc trông nom, chăm sóc con. Các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố. Như vậy, anh K có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, thỏa thuận về việc nuôi con của anh, chị phù hợp với lợi ích của con nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. HĐXX giao hai con Nguyễn Trung K1, Nguyễn Thị Hải N cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K về việc không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng cho con.

- *Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức*: Do các đương sự đều không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Bùi Thị B khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị B ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho anh Nguyễn Văn K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con là Nguyễn Trung K1, sinh ngày 21/8/2011 và Nguyễn Thị Hải N, sinh ngày 26/9/2015 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn K về việc không yêu cầu chị Bùi Thị B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Chị Bùi Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Bùi Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh

Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí kí hiệu BLTU/23; số 0003551, ngày 12 tháng 4 năm 2024.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị B, anh Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Ú, huyện N;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Quý Long

